

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ CO.OPMART, CO.OPXTRA
ĐỢT 1 TỪ 18/05-14/07/2019**

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	NGUYEN THI THUY LINH	4111xxxx3104	102,511
2	DUONG THU HUONG	4111xxxx6104	83,866
3	DUONG THIEN HANH	4111xxxx0102	62,839
4	NGUYEN THI KIM DUNG	4111xxxx9100	54,865
5	LE CONG HUNG	4111xxxx6107	100,000
6	DANG HOAI LY	4111xxxx3111	58,348
7	HOANG THI MINH HUONG	4111xxxx6137	96,937
8	NGUYEN THI KIM NHUNG	4111xxxx9105	100,000
9	HO THI THUY TRANG	4111xxxx3106	70,347
10	HO THI THANH HUYEN	4111xxxx3104	69,161
11	LE THI TUYET MAI	5305xxxx6103	200,000
12	DO THI XUAN HANH	4111xxxx5123	182,713
13	NGUYEN KIM DUNG	4271xxxx5103	500,000
14	LE QUANG THIEN	4286xxxx1101	58,600
15	PHAN THI TUONG TAM	5305xxxx2100	191,876
16	NGO QUANG SAM	4271xxxx1103	124,490
17	BUI THI HONG	4286xxxx6105	90,182
18	HOANG THI TRAN THUY	4111xxxx8106	251,829
19	NGUYEN THANH HANG	4111xxxx3102	100,000
20	NGUYEN THI TRUC	4111xxxx8103	50,603
21	NGO THI THANH XUAN	4111xxxx9105	58,697
22	LE THI NGUYET HA	4111xxxx5215	150,821
23	TRAN QUOC BAO	4271xxxx8103	176,013
24	NGUYEN THI HONG VAN	4286xxxx0112	337,013
25	VO TRIEU TIEN	4286xxxx7117	60,980
26	VUONG QUOC THAI	4111xxxx9101	73,311
27	NGUYEN THI LIEN	4111xxxx0107	142,901
28	NGUYEN THI NGOC HUONG	4111xxxx4212	60,096
29	VO THI THU THUY	4111xxxx6108	100,000
30	MAI HAI VAN	4111xxxx0106	100,000
31	BUI THI THUY DUNG	4286xxxx1117	95,686
32	HUYNH THI KIEU OANH	4111xxxx8111	100,000
33	BUI THI THUAN YEN	4286xxxx6103	161,454
34	LUU THI HOA	4111xxxx4109	108,493
35	VU THI MINH NGHIA	4271xxxx4106	141,164
36	CHAU NGOC MINH	5305xxxx3100	220,704
37	THAN THI VAN	4111xxxx0101	70,536
38	NGUYEN THI LE HANG	4111xxxx3101	144,503
39	LE THI XUAN NHI	4111xxxx2116	57,886
40	DAU THI NGOC THUY	4286xxxx5117	52,295
41	CAP LE MINH NIEN	4111xxxx1108	74,700
42	LUONGTHITHANHNGUYEN	4286xxxx1117	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
43	LE THI NGOC THUY	4111xxxx5111	100,000
44	CAO THI HOA	4111xxxx2105	100,000
45	LE MINH MAN	4271xxxx4107	130,910
46	LE THI NGHIA	4111xxxx7105	133,425
47	HUYNH THI THANH	4111xxxx1118	100,000
48	DUONG THI CAM TU	4271xxxx8104	200,000
49	DINH THI BICH NGOC	4111xxxx1105	60,154
50	NGUYEN THI MONG VAN	4286xxxx6110	148,571
51	NGUYEN KIM TUYEN	4111xxxx8112	278,428
52	NGUYEN THI MY NGOC	4111xxxx2101	50,754
53	HOANG NGUYEN VU	4286xxxx2107	253,699
54	NGUYEN HONG THINH	4111xxxx1207	96,141
55	MAI XUAN TOAN	4271xxxx8108	200,000
56	NGUYEN THI TUYET DUNG	4111xxxx5102	50,143
57	DOAN THI HONG VAN	4271xxxx2105	320,844
58	LUU THUY HAI	4111xxxx5111	60,620
59	PHAM THI XUAN THU	4111xxxx1104	64,280
60	NGUYEN THI TUONG VY	4111xxxx1103	92,573
61	TRAN THI PHUONG THAO	4286xxxx9101	50,940
62	LAI THI THU LY	4286xxxx5116	100,000
63	TRUONGTHIPHUONGTHANH	4286xxxx2102	52,495
64	TRAN DUY HUNG	4286xxxx8101	55,913
65	HUYNH THI THANH THUY	4111xxxx6103	100,000
66	NGUYEN DUY PHUOC	4111xxxx6108	55,000
67	VO THI NHU HANG	4111xxxx8105	58,173
68	LE THU TRANG	4111xxxx3105	67,657
69	LE CHUONG	4286xxxx6108	89,230
70	DOAN THI DIEU LINH	4286xxxx2101	76,750
71	BUI HOA THINH	4286xxxx3109	149,826
72	NGUYEN THI LUYEN	4286xxxx4108	137,677
73	DANG BICH THUY	4286xxxx7113	64,080
74	TRAN THI THANH TUOI	4286xxxx6104	160,940
75	LE KIM LIEN	4111xxxx9101	84,855
76	LA THI THU HA	4111xxxx5106	248,264
77	HOANG THUY DUONG	4111xxxx1106	100,000
78	TRAO AN QUI	4111xxxx2103	76,398
79	NGUYEN THI LE TU	4286xxxx3105	66,585
80	DOAN THI DOAN	4286xxxx2101	100,000
81	HO TRUNG DONG	4111xxxx1105	100,000
82	NGUYEN HOANG NHAT AI	4286xxxx8109	258,480
83	LE DUC TUYEN	4111xxxx3104	75,075
84	NGUYEN THI HOA	4111xxxx4105	103,047
85	NGUYEN THI NI	4286xxxx9109	100,000
86	QUACH THI MY VAN	4286xxxx6108	50,481

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
87	NGUYEN VAN THON	4286xxxx2108	66,190
88	DO THI THU HA	4286xxxx9102	62,475
89	PHAM NU DANG KHOA	4286xxxx7118	150,739
90	NGUYEN T PHUONG LOAN	4111xxxx7100	70,190
91	PHAM NU VIET KHOA	4286xxxx8116	199,794
92	DAO THI HUONG MY	4286xxxx2100	65,300
93	NGUYEN THIEN MY	4111xxxx8108	55,850
94	TRAN THI THANH HA	4111xxxx7103	80,028
95	HA THI TUYET NHUNG	4286xxxx9107	59,150
96	TRAN CONG MINH	4271xxxx6107	151,053
97	NGUYEN THI ANH NGUYET	4286xxxx2104	50,362
98	HUYNH THI MINH HUONG	4111xxxx8108	214,319
99	LUONG THI THUY DUONG	4286xxxx7107	80,225
100	NGUYEN THITHANH HUONG	4111xxxx0104	67,863
101	NGUYEN MAI THAO	4111xxxx7209	255,300
102	NGUYEN THI KIM THUY	4111xxxx9100	100,000
103	LAM THI AI TRAN	4111xxxx7100	53,330
104	LE THI HUYNH HOA	4286xxxx4108	100,000
105	DAO THANH PHONG	4286xxxx6108	51,265
106	VO THIEN NHON	4111xxxx1109	342,111
107	LE THI THU HIEN	4286xxxx8106	60,575
108	PHAM THI THANH THAO	4111xxxx6102	117,858
109	PHAM THI HUONG	4286xxxx9107	68,635
110	NGUYEN MINH SON	4286xxxx1108	190,825
111	BUI THI PHUONG THAO	4286xxxx5102	117,138
112	NGUYEN VAN BE TAM	4111xxxx8115	50,764
113	QUACH THANH	4111xxxx9106	100,000
114	NGUYEN THI THU THUY	4111xxxx7106	162,810
115	PHAM SUONG THAO	4286xxxx0100	100,000
116	NGUYEN VIET HUNG	4286xxxx4104	66,444
117	TO BICH PHUONG	4111xxxx9109	84,747
118	NGUYEN VAN LONG	4286xxxx5104	73,521
119	LE VINH TAI	4286xxxx3107	64,091
120	TRAN NAM ANH	4111xxxx5109	50,909
121	NGO THI LAN	4286xxxx8100	78,605
122	DOAN THI MAN HUYEN	4286xxxx0119	52,414
123	LA DINH NGHIA	4111xxxx1107	51,273
124	TRAN LE QUOC TRUNG	4286xxxx9105	89,619
125	PHAN THI HOANG OANH	4286xxxx9107	92,724
126	PHAM THI MAI	4111xxxx0205	55,520
127	NGUYEN T P THAO MAY	4111xxxx4105	136,352
128	NGUYEN TAT DAT	4111xxxx8103	66,964
129	TRAN THI HUNG	4111xxxx5105	217,265
130	BUI THI NHIEU	4111xxxx6109	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
131	NGUYEN THI HONG KHANH	4111xxxx7118	138,005
132	DINH THI PHUONG LAN	4286xxxx8101	100,000
133	TRAN THI THU HUONG	4111xxxx5104	100,000
134	BUI QUYNH PHUONG	4111xxxx2109	82,185
135	TRAN XUAN HUNG	4286xxxx9107	80,460
136	NGUYEN THI CAM TU	4286xxxx7105	57,025
137	PHAM THI LE QUYEN	4286xxxx0112	65,902
138	NGUYEN THI NGOC DUNG	4286xxxx7100	116,734
139	HO THI XUAN LIEN	4286xxxx5104	294,020
140	TRAN QUYNH LOAN	4286xxxx5103	290,589
141	NGUYEN VAN ANH	4286xxxx6113	54,645
142	HUYNH HANH HAN	4111xxxx1114	53,960
143	LE HUYNH XUAN THAO	4111xxxx5105	158,030
144	PHAM THI KIM KIEU	4111xxxx4119	76,635
145	NGUYEN NGOC ANH TAM	4111xxxx9210	70,155
146	NGUYEN THI TRUC QUYNH	4286xxxx5106	70,681
147	NGUYEN TRUC PHUONG	5305xxxx6205	151,107
148	HUYNH VINH SON	4111xxxx8108	100,000
149	THAI THI QUYNH NHU	4111xxxx7109	60,195
150	LE THI THU VAN	4111xxxx7102	63,335
151	NGUYEN HUU THANH	4286xxxx1101	113,765
152	BUI LONG TU NHI	4286xxxx6101	50,155
153	MAI THI LAN PHUONG	4286xxxx6101	65,479
154	NGUYEN NHAT HUNG	4111xxxx4105	51,345
155	LY MINH KHIET TAM	4111xxxx4110	100,000
156	TRAN THI THANH NHA	4111xxxx4102	281,060
157	THAI THI THUY LIEU	4286xxxx6104	60,320
158	NGUYEN THANH LOAN	4286xxxx5101	94,135
159	NGUYEN THI LE HANG	4111xxxx5114	51,520
160	HOANG DINH QUYNH NHU	4111xxxx1105	63,430
161	TRAN THAI BAO	5305xxxx6102	200,000
162	CHAU NGOC NHU MAI	4111xxxx7108	72,970
163	NGUYEN THI NGAT	4111xxxx8106	500,000
164	VO PHUNG THANH TRUC	4286xxxx3100	74,243
165	HUYNH LE QUANG HUY	4111xxxx3100	71,191
166	NGUYEN THI TUYET LOAN	4111xxxx7106	50,403
167	BUI THANH CHUONG	4286xxxx1113	118,181
168	NGUYEN DINH SON	4286xxxx3102	109,385
169	HUYNH THI NGOC HANH	4111xxxx0103	52,654
170	VO THI MY HIEN	4111xxxx3106	62,879
171	LE THI LY LY	4111xxxx4101	77,006
172	HOANG THI ANH	4111xxxx1109	69,770
173	DO PHUOC VINH	4111xxxx6100	135,653
174	NGUYEN THI KIM NGAN	4286xxxx0106	102,087

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
175	BUI VAN BINH	4111xxxx3109	100,000
176	DANG VAN HOAN	4286xxxx0103	58,387
177	PHAM THI TRANG	4286xxxx4104	50,555
178	PHAM THI MY HANG	4286xxxx8105	500,000
179	HA PHUOC TU	4111xxxx4107	61,575
180	NGUYEN VIET NGA	4286xxxx2106	57,275
181	NGUYEN THU HA	4286xxxx0116	79,226
182	NGUYEN THI THANH TRUC	4111xxxx8104	195,462
183	DUONG TAN DAT	4111xxxx9108	233,208
184	TRUONG KIEU NGA	4111xxxx9100	72,512
185	CAO THI MINH LIEN	4111xxxx6105	98,124
186	LE THI CAM VUI	4111xxxx0108	196,967
187	VU THI KIM PHUONG	4111xxxx8107	77,803
188	BUI NGUYEN QUYNH NHU	4286xxxx1102	100,000
189	PHAM QUOC DUNG	4286xxxx5101	100,000
190	DINH THI THU NGA	4111xxxx3101	100,000
191	NGO THI THUY HUONG	5305xxxx1108	128,252
192	TRAN THI KIEU OANH	4271xxxx4109	159,900
193	DO TRUNG HUNG	4286xxxx1103	112,542
194	NGUYEN GIA PHUC	4286xxxx8105	146,373
195	NGUYEN THI MINH HANG	4286xxxx5112	53,957
196	PHAN NGOC CHUNG	4111xxxx5106	60,481
197	TAO QUANG KHAI	4286xxxx2100	100,000
198	NGUYEN DINH SON	4111xxxx2101	55,145
199	VU BA DICH	4286xxxx8108	100,000
200	LY THI HONG	4111xxxx2113	71,490
201	PHAN LE BAO TRAN	4286xxxx0101	100,000
202	NGUYEN NGOC THANH VY	4111xxxx4104	90,602
203	NGUYEN NGOC THU	4286xxxx4102	50,390
204	VO THI THANH HOAI	4111xxxx5111	93,174
205	TA THI MINH PHUONG	4111xxxx4106	167,010
206	NGUYEN THI KIM THUONG	4111xxxx6100	63,645
207	TRAN THI HUYEN	4111xxxx1109	52,625
208	LAM NGOC YEN	4111xxxx7115	52,181
209	VU THI NHI LUONG	5305xxxx1100	160,360
210	HOANG DUC MINH	4111xxxx1104	131,200
211	DO TRAN MY DUNG	4286xxxx8104	131,516
212	LE QUANG HIEU	4286xxxx9100	162,061
213	TO MINH HA	4286xxxx7102	50,346
214	HUYNH THI MY HANH	4111xxxx9102	135,935
215	TRINH BE THAO	4111xxxx5104	83,215
216	NGUYENTHI HONG PHUONG	4111xxxx4102	100,000
217	LE KHANHPHUONG HONG	4271xxxx8105	112,147
218	LUONG THI KIM HAU	4286xxxx7106	61,515

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
219	HUYNH THI LAN PHUONG	4111xxxx7137	100,000
220	TRAN DINH VIET	4111xxxx9107	146,582
221	HUYNH THI MY TRUC DAO	4111xxxx8118	124,790
222	NGUYEN THANH CHUONG	4286xxxx5102	91,600
223	LE MINH VY	4286xxxx5105	61,725
224	DO THANH TRUONG	4111xxxx7102	52,975
225	NGUYEN THI THUY LINH	4286xxxx1106	50,867
226	TON NGUYEN VAN ANH	4286xxxx7100	100,000
227	PHAM THI NGOC HUONG	4111xxxx2102	70,360
228	PHAM THANH HONG	4286xxxx3104	153,045
229	DO THUY HANG	4111xxxx9101	68,190
230	PHAM NGOC KIM THACH	4271xxxx8101	276,543
231	NGUYEN THANH NAM	4111xxxx9109	318,300
232	NGUYEN THI HIEU	4286xxxx9108	62,100
233	TRUONG THI THANH THUY	5305xxxx8108	200,000
234	TRAN THI HONG MINH	4111xxxx1105	54,219
235	HUYNH THI TIEN	5305xxxx0103	500,000
236	LE TAN TUAN	4286xxxx4105	80,184
237	LE THI HOANG OANH	4111xxxx9104	51,195
238	NGUYEN THI PHUOC	4111xxxx9106	127,877
239	NGO THI KIEU HANH	4286xxxx0105	100,000
240	HO TU TRAN	4111xxxx5102	60,170
241	NGUYEN THAI HIEN	4111xxxx6110	76,011
242	NGUYEN DUC PHAN	4111xxxx0119	73,729
243	NGUYEN VAN NEN	5305xxxx5109	500,000
244	NGUYEN MANH HA	4111xxxx3116	91,166
245	TRAN TRUONG SON	4111xxxx5116	52,125
246	NGUYEN HUY ANH THU	4111xxxx7101	100,000
247	DINH THU GIANG	4111xxxx3109	60,186
248	NGUYEN HOANG VU	4271xxxx3108	200,000
249	PHAN THI MINH NGHIA	5305xxxx4118	200,000
250	LE MY PHUONG	4286xxxx3104	57,200
251	DUONG THI NGOC YEN	4111xxxx5103	100,000
252	PHAM THAO NGUYEN	4111xxxx0105	100,000
253	PHAM MINH TRI	4286xxxx9120	100,000
254	VO THI LE	4286xxxx8111	141,787
255	DANG THI MY THUY	4111xxxx2100	258,700
256	NGUYEN THI KIM NGOC	4111xxxx7107	63,230
257	PHAM THI NGOC PHUONG	4111xxxx3101	50,360
258	TRAN THI HUE	4286xxxx7107	90,140
259	NGUYEN THI TRANG	4111xxxx2109	70,561
260	NGO THI THANH THUY	4286xxxx4106	50,855
261	NGUYEN T THUONG HUYEN	4286xxxx4107	100,000
262	NGUYEN HUU DANH	4286xxxx5101	52,075

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
263	LE THI LINH NHAM	4111xxxx5101	100,000
264	LUU VY DANG KHOA	4111xxxx9100	261,893
265	NGUYEN HONG NHUNG	4286xxxx7103	70,514
266	DUONG THI HOANG LAN	4271xxxx0109	187,230
267	TRUONG CONG CU	4111xxxx8103	80,878
268	THAI TANG QUOC	4286xxxx7103	136,932
269	BUI SY NAM	5305xxxx1101	370,024
270	HA ANH THOAI	4111xxxx0114	53,766
271	NGUYEN THI TRUC THAO	4111xxxx5109	66,254
272	LAM XUAN HOANG LAN	4111xxxx6103	100,000
273	BUI NGOC PHUONG UYEN	4286xxxx1116	165,495
274	DINH THI HANH TAM	4111xxxx1100	62,040
275	TRINH TRUNG NGHIA	4111xxxx7105	52,019
276	HUYNH DAT PHU	4111xxxx2107	100,000
277	LE THI BICH PHUONG	4286xxxx7128	87,665
278	TRAN THANH TU	4286xxxx8112	81,096
279	TRAN THI TUYET MAI	4286xxxx3108	100,000
280	LE THANH TUNG	4111xxxx6204	86,047
281	NGUYEN THANH TUYEN	4286xxxx4100	86,895
282	LE THI CUONG	4271xxxx3101	316,256
283	NGUYEN GIA HOI	4111xxxx4101	68,146
284	NGUYEN DUC BAO	4111xxxx1110	100,000
285	TRAN QUOC TUAN	4111xxxx0104	134,111
286	LE NGUYEN NU HOAI LE	4111xxxx8308	100,000
287	DOAN ANH TUYET	4286xxxx8105	163,982
288	DINH NGUYEN THI NUONG	4286xxxx4109	114,688
289	NGUYEN LE PHUONG THAO	4286xxxx8101	50,413
290	NGUYEN DUC HIEP	4286xxxx5105	212,614
291	BUI THI THUY HUONG	4286xxxx9106	100,000
292	NGUYEN THU BA	4111xxxx6101	54,755
293	NGUYEN TRONG NAM	4271xxxx3105	396,856
294	NGUYEN QUAN SI	4111xxxx2105	52,305
295	NGUYEN SY THUAN	4271xxxx2106	115,247
296	TRAN THANH CAM TU	4286xxxx6104	62,277
297	MANH THE BAO	4286xxxx6104	142,448
298	NGUYEN THU QUYNH	4111xxxx0101	69,139
299	LE THI TRUC	4286xxxx5104	54,843
300	TRAN THI HONG MONG	4286xxxx5103	76,835
301	TRAN THI LAN	4271xxxx7104	123,301
302	LE THI NGOC HUYEN	4111xxxx5105	100,000
303	PHAN THI QUYEN	4286xxxx5105	54,875
304	DANG THI THU DUNG	4111xxxx2200	132,326
305	NGUYEN THI LAN PHUONG	4286xxxx5109	53,223
306	VU THI BICH HUONG	4111xxxx6102	75,523

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
307	PHAM NGOC ANH	4111xxxx8106	71,375
308	LE ANH KHOA	4286xxxx4107	67,138
309	HOANG THI THU HA	4286xxxx7108	57,892
310	NGUYEN THI TUYETNHUNG	4286xxxx7108	144,618
311	LAI XUAN DAT	4286xxxx8102	65,825
312	NGUYEN HOA PHAP	4111xxxx2105	52,795
313	VU THI NGA	4111xxxx8106	57,085
314	NGUYEN THI KIEU OANH	4111xxxx1109	54,001
315	TRUONG THI THAO	4271xxxx1107	200,000
316	DUONG QUOC VUONG	4286xxxx3105	59,050
317	NGUYEN THI MY HANH	4286xxxx7100	200,000
318	TRAN THU HOA	4286xxxx2101	100,000
319	TRAN THI THU VAN	4286xxxx8103	100,000
320	VAN THI THU LOAN	4286xxxx8101	110,965
321	LA THI THU HUYEN	4111xxxx6107	59,900
322	HOANG DUC LONG	4111xxxx9103	79,289
323	NGUYEN VAN THANG	4286xxxx2105	74,485
324	DO QUOC CUONG	4286xxxx1202	500,000
325	LU PHUC HOANG	4286xxxx5105	52,391
326	LUONG VAN NHAN	4111xxxx4106	50,802
327	NGUYEN THI LE DUNG	4286xxxx5109	53,193
328	TRAN NGOC THU	4286xxxx1108	65,305
329	TRAN THI THU ANH	4286xxxx5103	58,340
330	NGUYEN THI XUAN	4286xxxx0102	50,000
331	CHE MINH TUNG	4271xxxx0108	100,424
332	DO VIET PHUONG	4271xxxx4108	400,000
333	HO MINH PHUONG	4271xxxx5101	200,000
334	PHAM THI HA TRANG	4111xxxx3108	100,000
335	VU MINH DUC	4286xxxx3107	79,312
336	NGUYEN THI THUC ANH	4286xxxx5119	295,274
337	BUI VAN TIEN	4111xxxx3108	53,928
338	NGUYEN THI XUAN MAI	4286xxxx0116	100,000
339	TO HONG HA	4111xxxx1116	56,160
340	TRAN THI THU THUY	4271xxxx8104	143,306
341	DO THI MINH NGUYET	4111xxxx5106	69,000
342	HOANG THI UT LAN	4111xxxx2106	100,000
343	TRAN TIN NGHIA	4286xxxx4108	50,855
344	NGUYEN THI THU TRAM	4286xxxx4103	74,565
345	NGUYEN THI THANH VAN	4111xxxx3112	83,082
346	VO NGOC BAO TRAN	4111xxxx4106	100,000
347	LUU THI THUY HANG	4286xxxx2100	53,600
348	NGHIEM HA MINH KHOA	4111xxxx7101	102,819
349	NGUYEN TU QUANG	4111xxxx6106	64,385
350	DOAN THI VAN UYEN	4111xxxx9109	66,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
351	LE TRAN MY HANH	4286xxxx7106	86,850
352	NGUYENTHIMINHPHUONG	4271xxxx3104	353,244
353	NGUYEN THU HOAI	4286xxxx7117	50,291
354	VU THI THUY SON	4111xxxx0104	160,671
355	VU THI KIM QUI	4111xxxx8101	100,000
356	HO HOAN KIEM	4111xxxx3117	194,550
357	LE THI THANH THUY	4286xxxx5108	157,455
358	HOANG THI XUAN LOC	4286xxxx8102	111,785
359	PHAM THI GIANG	4111xxxx9113	66,774
360	TRAN THI KIM HUE	4111xxxx9108	66,870
361	LE THI THANH MY	4111xxxx9100	100,000
362	NGUYEN PHUONG LAM	4286xxxx5100	63,381
363	LE KIM NGAN	4286xxxx3108	73,795
364	LAM BICH HANG	4111xxxx3123	215,655
365	HO KIM CHI	4271xxxx7102	200,000
366	TRAN THAN VINH	4111xxxx9104	72,995
367	TRUONG THANH XUAN	4286xxxx3107	90,635
368	LE NGUYEN PHUONG THAO	4286xxxx2105	60,150
369	NGUYEN THI NGOC MAN	4286xxxx4104	63,864
370	LE THI MY PHUC	4286xxxx1108	100,000
371	NGUYENTHIPHUONGTHUY	4286xxxx6107	88,085
372	DONG THI DINH	4271xxxx5110	182,309
373	DANG KIEU NGAN	4286xxxx4109	180,075
374	NGUYEN THI KIM DUYEN	4286xxxx3107	60,640
375	NGUYEN THI HUE	4111xxxx6103	108,934
376	NGUYEN THANH ANH TU	4111xxxx3105	82,253
377	VO HO THU THUY	4111xxxx2406	50,180
378	DINH THI THUY CHUNG	4286xxxx8109	100,000
379	NGUYEN THI THU HANG	4286xxxx6100	56,299
380	TRAN NGOC THUY	4286xxxx6101	55,180
381	LE VIET HUNG	4111xxxx2100	60,300
382	CAO THI VAN ANH	4286xxxx4109	91,775
383	NGHIEM DIEU LINH	5151xxxx8112	66,325
384	NGUYEN THI LAN	4111xxxx2109	166,373
385	NGUYEN THI SA	4286xxxx4109	500,000
386	DO THI HONG MINH	4111xxxx0106	133,385
387	NGUYEN THI HOANG ANH	4286xxxx4149	100,000
388	HUYNH THI HOA	4286xxxx6106	214,294
389	NGUYEN THI HUU TINH	4286xxxx3106	88,033
390	TRINH THI NGAN	4286xxxx7101	100,000
391	HOANG THO MAN TRINH	4286xxxx9105	59,032
392	VO THI HA	4286xxxx7106	55,770
393	NGUYEN THI THU TRANG	4271xxxx5100	200,000
394	NGUYEN THI NGOC LAN	4286xxxx9103	84,865

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
395	NGUYEN THI DIEU THAO	4286xxxx8100	60,547
396	NGUYEN VAN TAM	4111xxxx8104	55,067
397	TRAN THI KIM HOANH	4286xxxx9108	500,000
398	NGUYEN TAN LOI	4286xxxx5100	72,450
399	QUACH C.DAI THANH TAM	4271xxxx3104	200,000
400	NGUYEN DUY TUAN	4286xxxx8102	77,255
401	LY DINH TRUNG	4111xxxx9124	65,113
402	BUI XUAN TRA MY	4111xxxx3100	190,440
403	BUI NGUYEN HANH DUNG	4111xxxx0114	74,606
404	TRAN THI NHAT	4111xxxx0103	56,810
405	LE THI TUYET THU	4286xxxx3105	80,180
406	TRAN THI NHU PHUONG	5305xxxx7108	106,658
407	DANG THI BICH VAN	4286xxxx4107	100,000
408	NGUYEN VU DAT	4111xxxx8111	62,937
409	NGUYEN VAN ANH	4286xxxx2101	100,000
410	LA THI KHANH PHUONG	4286xxxx5100	50,630
411	PHAN NGUYEN D PHUONG	4286xxxx8103	91,396
412	LUONG THUY NHI	4286xxxx4119	54,496
413	HUYNH THANH TAM	4271xxxx7101	109,780
414	HOANG VAN THANG	4111xxxx2105	66,314
415	MAI THI YEN VY	4286xxxx0108	100,000
416	HUYNH THANH PHUONG	4286xxxx3106	62,060
417	LUU TRAN PHUONG NAM	4286xxxx3117	67,804
418	TRAN THI THUY HONG	4286xxxx5103	60,065
419	NGUYEN THI THANH TRUC	4286xxxx2102	51,485
420	CHAU HONG NGA	4286xxxx0103	158,570
421	PHUNG VAN HUNG	4111xxxx3100	100,000
422	TRUONG THI DUNG	4271xxxx8105	187,200
423	NGUYEN THANH TUAN	4111xxxx9103	94,305
424	HO THI THANH THUY	4286xxxx0107	53,000
425	DUONG THI CAM TU	4286xxxx3103	57,518
426	TA DIEM THUY	4286xxxx7103	70,223
427	NGO HONG MINH	4111xxxx5102	95,480
428	CAO THI THAM	4286xxxx6100	62,263
429	PHAM THI HONG LIEN	4286xxxx7102	75,386
430	NGUYEN VAN LOI	4111xxxx8103	66,287
431	NGUYEN HOAI THANH	4286xxxx9107	177,490
432	NGUYEN HUU PHUOC	4286xxxx9108	51,210
433	THIEU THI PHUONG ANH	4286xxxx6103	62,450
434	BUI THI KIM HOANH	4111xxxx3106	62,112
435	LE KIM THU	4271xxxx5101	400,000
436	BUI MY DUNG	4286xxxx9101	66,056
437	NGUYEN QUOC HUNG	4286xxxx1109	100,000
438	TRAN THI QUYNH MAI	4286xxxx3108	62,035

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
439	TRINH THIEN MENH	4286xxxx8104	66,193
440	NGUYEN THI HONG MINH	4111xxxx9113	60,419
441	TRAN THI DUNG	4111xxxx8104	64,203
442	DO QUOC ANH	5151xxxx6119	55,150
443	VU THI KIM LIEU	5305xxxx7107	200,000
444	NGUYEN HUU PHAN	4111xxxx9205	83,145
445	NGUYEN THUY LINH	4286xxxx0109	71,255
446	TRINH THI TRANG	4111xxxx5207	77,883
447	VO THI NGOC TUYET	5305xxxx6107	105,516
448	LE THI HOANG	4286xxxx5105	70,744
449	NGUYEN HUY TAI	4111xxxx1101	71,684
450	PHAM MINH DUONG	4111xxxx3110	215,078
451	NGUYEN THI THUY DUONG	4286xxxx6102	160,904
452	DANG THUY NGAN	4286xxxx2101	56,104
453	DAO NU THI KIEU TRINH	4111xxxx7101	116,274
454	NGUYEN THI KIEU LOAN	4286xxxx3107	90,256
455	NGUYEN THAI SON	4286xxxx3109	50,170
456	NGUYEN NGOC PHAP	4286xxxx2100	64,590
457	DAO DUY DUNG	4271xxxx7110	141,979
458	NGUYEN LE CHAU LINH	4286xxxx0111	72,952
459	VO THI NGOC DIEM	4286xxxx3109	100,000
460	HOANG NGUYEN HOAI NAM	4286xxxx3109	66,998
461	DU MY KIM	4111xxxx8106	72,360
462	LE THANH THANG	4286xxxx0102	52,220
463	NGUYEN THI NGUYET	4286xxxx0106	198,053
464	PHAM TRIEU DUNG	4111xxxx0108	55,681
465	HUYEN TON NU MAI THUY	4111xxxx1108	54,104
466	HUYNH THI THANH TRA	4286xxxx8112	76,025
467	TA CHI NHAN	4111xxxx8109	80,410
468	LE THI THANH KIM	4111xxxx5108	200,000
469	NGUYEN TRUONG THUY	4286xxxx9104	93,210
470	TRAN HUONG QUYNH	4286xxxx4118	114,886
471	LE THI KIEU TRANG	4286xxxx1102	50,236
472	VO THI THU	4286xxxx8115	51,664
473	NGUYEN THANH PHONG	4111xxxx4108	100,000
474	NGUYEN LE GIANG	4286xxxx4103	200,000
475	LAM THI THAO	4111xxxx3108	50,000
476	HO THI THU THUY	4111xxxx6105	62,398
477	NGUYEN TUONG X NGHIEM	4286xxxx8101	50,560
478	NGUYEN VAN THO	4271xxxx0104	189,480
479	LE PHU HOI	4286xxxx6112	73,460
480	VO THI NGUYET DUNG	4111xxxx0305	153,234
481	BUI KIM CUC	4286xxxx0100	61,718
482	PHAM CONG NGOC THUY	4286xxxx0101	173,785

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
483	NGUYEN THI THU HUONG	4286xxxx4103	122,342
484	VU TUAN NGHIA	4286xxxx1104	100,000
485	TRUONG THI NGOC HANH	4271xxxx0103	201,950
486	TA DUY NGOC	4111xxxx7104	122,240
487	PHAM PHUONG THAO	4286xxxx5100	70,726
488	KHUONG THANH TUYEN	5151xxxx6109	100,000
489	NGUYEN THI HONG NHUNG	4286xxxx5101	51,070
490	NGUYEN THI PHUONG	4286xxxx7104	82,470
491	NGUYEN THI KIM NHI	4111xxxx0105	100,000
492	DOAN VAN NGAN	4111xxxx9115	55,493
493	NGUYEN THI THUY TRANG	4286xxxx1104	180,305
494	TRAN MINH DUC	4111xxxx7100	50,949
495	LE BA GOM	4286xxxx3103	52,224
496	PHAM HOAI NAM	4286xxxx1101	60,255
497	PHAN QUANG TIEN	4286xxxx5104	104,024
498	NGUYEN MINH HONG	4286xxxx2103	83,605
499	TIET THANH MONG	4286xxxx3106	61,015
500	PHAN THI HONG PHUONG	4111xxxx8105	97,490
501	CHU CHI HUNG	4286xxxx8105	52,725
502	BUI VAN THANH	4111xxxx0105	82,445
503	NGUYEN QUANG PHUC	4286xxxx8110	52,603
504	LE THI HONG NGUYET	4111xxxx7107	73,406
505	LE THI TRANG	4286xxxx0102	70,905
506	LE THI DIEU LINH	4111xxxx3203	75,000
507	DUONG THI BACH TUYET	4286xxxx1105	161,250
508	DAO THI THU HUONG	4111xxxx1100	82,106
509	LE THI BE LAM	4271xxxx7108	200,000
510	MARK EDWARD KRAMB	4111xxxx5201	60,680
511	PHAM QUANG SANG	4286xxxx6119	92,565
512	THAN TRAN THANH THUY	4286xxxx1120	72,510
513	BUI TRAN LE NA	4111xxxx4106	66,908
514	PHAM NGOC HIEU	4286xxxx3101	65,010
515	DUONG ANH AI	4286xxxx2104	58,850
516	NGUYEN MINH HUYEN	4271xxxx6106	500,000
517	HUYNH THI MUOI	4271xxxx9100	127,928
518	NGUYEN THI ANH THO	5305xxxx2105	101,682
519	NGUYEN THI GIANG	4271xxxx2100	176,734
520	BUI MINH LUAN	5305xxxx5106	160,274
521	TRUONG CONGQUANG NHAT	4111xxxx2202	69,142
522	HO THI THAO	4111xxxx6109	123,686
523	LE HONG PHUONG	4286xxxx0105	59,050
524	LE THI KIM OANH	4286xxxx9109	56,715
525	NGUYEN THI LOI	5305xxxx4107	285,440
526	PHAN THI HA	4286xxxx1102	70,510

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
527	NGUYEN THI TU OANH	4286xxxx2101	90,715
528	DANG HONG VAN	4111xxxx8103	54,060
529	TA QUOC BAO	4111xxxx9101	100,000
530	TRAN DAO PHUONG LINH	4286xxxx0105	52,475
531	BUI HONG HAI	4286xxxx1103	102,378
532	NGUYEN KIM TIEN	4111xxxx7102	100,000
533	PHAN THI THANH TRANG	4271xxxx9102	200,000
534	TRUONG THANH TRONG	4286xxxx1101	86,950
535	DINH THI NU	4111xxxx6110	87,920
536	HUYNH THI MY LINH	4111xxxx0202	56,685
537	NGUYEN CUONG THINH	4111xxxx5107	50,860
538	TRAN DUC THUAN	4286xxxx1104	119,905
539	NGUYEN TAI LOI	4286xxxx2101	75,000
540	LE THI HUYEN	4286xxxx2102	270,500
541	TO THI TO NGA	4111xxxx2110	56,403
542	NGUYEN THI KIM DUNG	5305xxxx9103	120,638
543	VO VAN HA	4111xxxx7110	61,905
544	PHAM THI LAN ANH	4286xxxx3110	108,359
545	LUONG THI MINH HUONG	4111xxxx3105	53,913
546	LAM THI MY LE	4286xxxx4101	52,710
547	NGUYEN THI HONG CAM	4111xxxx5107	211,492
548	VU THI PHUONG THAO	4111xxxx8109	65,166
549	NGUYEN THE DUNG	4271xxxx8101	405,794
550	BUI THI HIEU	4286xxxx1113	130,062
551	TRAN NGOC PHAN HUAN	4111xxxx2109	134,214
552	NGUYEN LE MAI PHUONG	4111xxxx6106	100,000
553	BIEN VIET NHU	4271xxxx7103	200,000
554	NGO THANG CANH	4111xxxx1106	50,035
555	PHAM THI HA	4111xxxx1105	55,925
556	HO THI MINH HIEU	4286xxxx1104	100,000
557	NGUYEN VAN NGOC	4286xxxx7108	100,472
558	DO MANH SON	4271xxxx5101	109,587
559	LE HO TO HANH	4286xxxx9104	71,550
560	TRINH LE HOANG YEN	4286xxxx2109	53,340
561	HO THI THANH MINH	4111xxxx2102	72,112
562	DUONG THI BICH HANH	4286xxxx1102	100,000
563	PHAN MINH THUAN	4286xxxx7100	126,116
564	DUONG THI HOANG CAT	4111xxxx3109	54,931
565	NGUYEN THU GIANG	5305xxxx8101	461,000
566	VO THUY UYEN	4111xxxx5108	50,096
567	PHAN DANG TRIEU	5305xxxx9101	436,555
568	TRAN VAN TIEP	4286xxxx7209	100,000
569	BUI THI THU HOAI	4111xxxx4109	60,517
570	NGUYEN T D THUY KIEU	4111xxxx7104	50,085

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
571	NGUYEN DUC HOA	4111xxxx1105	200,000
572	TRAN THI THU THAO	4286xxxx5104	90,315
573	HUYNH THI THUYET	4286xxxx9106	81,335
574	TA CHI MAI	4111xxxx3127	100,000
575	HOANG THI LAM GIANG	4111xxxx6108	77,671
576	NGUYEN PHI KHA	4286xxxx8107	53,575
577	VU XUAN SANG	4111xxxx8102	73,300
578	NGUYEN THI TUYET MINH	4111xxxx6102	100,000
579	NGUYEN VAN CHAU	4286xxxx2104	70,060
580	MAI HUYNH MY TIEN	4286xxxx7105	244,677
581	TRUONG THI NGOC HUONG	4286xxxx1102	71,840
582	NGUYEN THI THUY OANH	4286xxxx5108	100,000
583	LE QUI QUOC KHANH	4111xxxx9109	60,442
584	TRAN THUY LINH	4111xxxx6109	64,946
585	TRUONG THI NGOC ANH	4286xxxx5103	100,985
586	TRAN THI MY NUONG	4286xxxx9100	122,974
587	NGUYEN THI NGOC BICH	4286xxxx7109	50,547
588	VO THI HIEN	4286xxxx0102	173,900
589	LE THI THANH THUY	4286xxxx0104	50,420
590	LE THI MINH THUY II	4286xxxx5108	100,000
591	PHAN THI CHI	4111xxxx1104	69,370
592	NGUYEN KHANH VAN	4111xxxx3105	58,275
593	NGUYEN THAI HUNG	4111xxxx4107	68,205
594	NGUYEN THANH THUY	4286xxxx9103	151,213
595	LY KIM VY	4111xxxx5107	100,000
596	LA BAO QUYNH	4286xxxx6100	52,734
597	LE HOANG HUY VU	4286xxxx7101	50,410
598	TRANG THAI DUONG	4111xxxx4101	57,079
599	HO THI THANH THU	4111xxxx7103	100,000
600	TRAN THANH TUYEN	4111xxxx1106	70,710
601	NGUYEN THANH	4111xxxx7106	72,085
602	LE THANH THUY	4111xxxx6104	132,132
603	TRAN THUY LE	4286xxxx6104	50,757
604	LAI THI THU HUONG	4286xxxx6108	68,420
605	CAM BICH LINH	4286xxxx9102	100,000
606	NGUYEN HUU ANH NAM	4111xxxx0110	55,140
607	NGUYEN NGOC HA LINH	4286xxxx5103	73,742
608	THAN THI ANH TUYET	4286xxxx7108	57,280
609	VU HOANG DAI	4111xxxx3103	54,950
610	NGUYEN THI THUY	4111xxxx5109	55,054
611	NGUYEN THI TO NGA	4111xxxx9105	140,262
612	TRAN VAN DONG	4286xxxx5102	50,861
613	DO VAN THONG	4271xxxx6304	200,000
614	NGUYEN THI THUY	4286xxxx4108	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
615	PHAM NGOC NU	4111xxxx5106	70,230
616	TRAN NGOC D HA GIANG	4286xxxx9100	142,202
617	DUONG THI CAM TU	4286xxxx1109	53,758
618	VU THI KIM HUONG	4286xxxx3106	100,000
619	DOAN THI PHUONG	4111xxxx4101	68,903
620	LE THI THUY HANG	4286xxxx3103	50,514
621	NGUYEN CAO THANG	4271xxxx1103	200,000
622	THAI THI TIN	4286xxxx4100	51,561
623	LE CHI NGUYEN	4111xxxx8105	193,380
624	NGUYEN THI XUAN THUY	4286xxxx0109	172,465
625	LUU HAI LY	4286xxxx2109	64,915
626	BUI VAN DUNG	4111xxxx8103	67,407
627	VU QUOC SANG	4286xxxx7100	50,070
628	TRAN HAI YEN	4271xxxx5100	110,467
629	CHIEM CHINH	5305xxxx0200	163,108
630	LAI HOANG SON	4111xxxx8108	100,000
631	BUI THI PHUONG TRANG	5305xxxx7108	101,307
632	LE THANH THAO	4271xxxx9104	163,790
633	VAN LAN THAO	5305xxxx6112	104,320
634	DOAN THUY MINH HUONG	4286xxxx5109	53,870
635	TRAN THI NGOC TRINH	4286xxxx9105	57,990
636	VO THI LOAN	4286xxxx6113	200,000
637	NGUYEN THI TO UYEN	5151xxxx6117	137,364
638	TRAN NGOC TRUC QUYNH	4111xxxx3106	158,900
639	VO THI THUY LOAN	4111xxxx5109	100,000
640	NGUYEN THI THAO	5305xxxx8105	500,000
641	NGUYEN VAN TAN	4111xxxx3104	87,975
642	NGUYEN BINH PHUONG	4111xxxx4103	51,643
643	HO BAO TRIEU DUY	4286xxxx4106	50,540
644	TRAN NGOC TRAN TRONG	4111xxxx1101	128,291
645	TRINH MY NHUNG	4286xxxx4105	75,976
646	NGUYEN THI MAI HOA	4111xxxx7102	67,250
647	NGUYEN NGOC DUY	4286xxxx2106	87,595
648	MAI XUAN SANG	4111xxxx0100	69,065
649	VO THANH CHAU	4271xxxx7106	104,430
650	ANNA DIEP	4271xxxx1108	135,995
651	NGUYEN THIEN CHI	4286xxxx8108	54,344
652	NGUYEN DUC TRI	4111xxxx2107	100,000
653	DANG THI HONG PHUONG	4286xxxx3109	500,000
654	NGUYEN HAI HA	4111xxxx4109	57,927
655	NGUYEN THI THU	4271xxxx1113	204,060
656	NGUYEN DO NGOC PHU	4111xxxx1109	500,000
657	TRUONG MANH TIEN	4111xxxx5100	50,449
658	NGO THI BICH KIEU	4286xxxx0102	53,240

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
659	BUI THI NGAN HA	4111xxxx9108	83,885
660	LE THI NGOC MINH	4286xxxx1110	54,950
661	MAC BINH HUY	4271xxxx1109	130,800